

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 6 và 6 tháng năm 2014

Kết quả thực hiện kế hoạch một số chỉ tiêu chủ yếu 6 tháng đầu năm

		Năm 2014	
		Kế hoạch	Thực hiện 6 tháng
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP – (%)	9,5-10	8,2
	<i>Trong đó: Nông, lâm, thủy sản</i>	5,0	6,0
	<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	7,5-7,7	6,4
	<i>Dịch vụ</i>	11,1-11,7	9,6
2	Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp (%)		5,6
3	Tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu (%)	10,0	5,7
	Trong đó: - trừ dầu thô		5,7
4	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng so với tháng 12 năm trước (%)		1,09
5	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	275.236	60.134
	Tỷ trọng so với GDP (%)	31	
6	Thu hút vốn đầu tư nước ngoài (triệu USD)		794,0
7	Tổng thu ngân sách nhà nước (tỷ đồng)	226.300	121.910
	Thu ngân sách không tính dầu thô	199.000	106.240
	T.đó: * Thu nội địa (tỷ đồng)	124.200	67.823
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		116,2
	* Thu từ xuất nhập khẩu (tỷ đồng)	74.800	38.416
	<i>Tốc độ tăng (%)</i>		117,9
8	Chi ngân sách địa phương (tỷ đồng)	41.979	18.177
	T.đó: Chi đầu tư phát triển	11.145	6.810
	<i>Tỷ trọng chi đầu tư phát triển (%)</i>		37,5
9	Số LĐ được giải quyết việc làm (nghìn người)	265	143
	Trong đó: Được tạo việc làm mới	120	57

Sang quý II kinh tế của thành phố tiếp tục tăng trưởng, sản xuất công nghiệp tăng cao hơn và đặc biệt ngành xây dựng khởi sắc đáng kể. Thương mại dịch vụ tuy không có đột biến mạnh mẽ nhưng tăng đều. Thị trường bất động sản đã phần nào hồi phục đặc biệt ở phân khúc thị trường căn hộ giá bình dân đang được đánh giá có phần sôi động. Tổng sản phẩm nội địa quý II tăng 8,7% cao hơn mức tăng 7,7% của quý I, tính chung 6 tháng tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng đầu năm 2013 tăng 7,9%). Sản xuất công nghiệp tăng 5,6% (mức tăng cùng kỳ năm 2013 là 5,2 %). Tổng vốn đầu tư trên thị trường xã hội ước đạt 60.134 tỷ đồng, tăng 3,2% (mức tăng 6 tháng cùng kỳ 3,1%). Xuất khẩu sau khi trừ giá trị dầu thô tăng 5,7% so với cùng kỳ, là mức tăng so cùng kỳ

cao nhất trong 6 tháng đầu năm 2014. Vốn đầu tư nước ngoài của các dự án đăng ký mới đạt 794 triệu USD. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tăng 12,8%. Tổng thu ngân sách nhà nước tăng 14,9% (cùng kỳ tăng 4,9%), chi ngân sách địa phương tăng 3,9% (cùng kỳ tăng 10%).

I. GIÁ TRỊ TỔNG SẢN PHẨM NỘI ĐỊA (GDP)

Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm ước đạt 378.915 tỷ đồng (theo giá thực tế); tính theo giá so sánh năm 2010 tăng 8,2% so cùng kỳ năm 2013 (mức tăng cùng kỳ của 2013 là 7,9%, của 2012 là 8,1%).

Tổng sản phẩm 6 tháng đầu năm 2014

	Tổng GDP (Tỷ đồng - theo giá thực tế)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2013 (%)	Đóng góp vào tốc độ tăng (%)
Tổng số	378.915	8,2	8,2
<i>Chia theo khu vực</i>			
- Nông lâm thủy sản	3.250	6,0	0,05
- Công nghiệp và xây dựng	150.652	6,4	2,64
+ Công nghiệp	133.882	6,6	2,40
+ Xây dựng	16.770	5,1	0,24
- Dịch vụ	225.013	9,6	5,54

Trong 8,2% tăng trưởng chung: khu vực thương mại dịch vụ đóng góp 5,54%; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 2,64%; khu vực nông lâm thủy sản 0,05%.

- Giá trị tăng thêm khu vực nông lâm thủy sản 3.250 tỷ đồng, chiếm 0,9% GDP, tăng 6%.

- Giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp và xây dựng 150.652 tỷ đồng chiếm 39,8% GDP, tăng 6,4%. Trong đó công nghiệp chiếm 35,3%, tăng 6,6%; xây dựng chiếm 4,4%, tăng 5,1%.

- Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ đạt 225.013 tỷ đồng, chiếm 59,4% GDP, tăng 9,6%. Trong đó ngành thương nghiệp tăng 11,1%, ngành khách sạn nhà hàng tăng 10,8%, vận tải kho bãi 12,6% .

II. CÔNG NGHIỆP

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 6 giảm nhẹ so tháng 5, đạt 99,5%. Những ngành có mức tăng so tháng trước: thuốc lá (+18,6%); khai khoáng (+14,0%); dệt (+11,3%); đồ uống (+8,9%); xe có động cơ (+7,0%); sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+6,7%); in (+6,2%); hóa chất (+4,6%); thiết bị điện (+4,6%); sản phẩm từ cao su và plastic (+4,1%); trang phục (+3,2%); da (+2,2%)... Một số ngành có mức tăng giảm so tháng trước: phương tiện vận tải khác (-22,0%); kim loại (-19,5%); giường, tủ, bàn, ghế (-16,9%); điện tử (-14,2%); giấy (-2,8%); chế biến thực phẩm (-1,5%); sản phẩm từ khoáng phi kim loại (-1,1%) và xử lý cung cấp nước (-0,9%).

So với tháng 6/2013, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 5,1%.

Tính chung 6 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất công nghiệp ước tăng 5,6% so với cùng kỳ. Trong đó: công nghiệp khai khoáng giảm nhẹ 0,4%; công nghiệp chế biến tăng 5,6%; sản xuất phân phối điện tăng 5,7%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 7,2%. Tình hình sản xuất ở một số ngành có tỷ trọng cao như sau:

Chỉ số phát triển công nghiệp một số ngành chủ yếu

Đơn vị tính: %

	Tháng 6 so với tháng 5	6 tháng so với cùng kỳ năm 2013
Tổng số	99,5	105,6
Chia theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	114,0	99,6
2. Công nghiệp chế biến	99,4	105,6
3. SX và phân phối điện	103,3	105,7
4. Cung cấp nước và xử lý rác thải	101,6	107,2
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	98,5	101,7
2. Sản xuất đồ uống	108,9	100,0
3. Sản xuất trang phục	103,2	111,7
4. Sản xuất da và SP liên quan	102,2	107,1
5. SX hóa chất và SP hóa chất	104,6	98,6
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	104,1	102,1
7. SP. từ khoáng phi kim loại	98,9	103,3
8. Sản xuất SP điện tử	85,8	102,9
9. Sản xuất thiết bị điện	104,6	116,0
10. Sản xuất xe có động cơ	107,0	187,5

Trong ngành công nghiệp cấp 2, có 19/26 ngành tăng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó những ngành có mức tăng cao như: xe có động cơ (+87,5%); phương tiện vận tải khác (+41,1%); giường, tủ, bàn, ghế (+19,1%); thiết bị điện (+16,0%); sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (+15,9%); trang phục (+11,7%); giấy (+11,1%). Một số ngành có mức tăng khá là: thu gom và xử lý rác (+9,1%); thuốc (+8,3%); xử lý và cung cấp nước (+7,7%); da (+7,1%); in (+6,7%); phân phối điện (+5,7%). Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm là: dệt (+3,4%); sản phẩm từ khoáng phi kim loại (+3,3%); điện tử (+2,9%); sản phẩm từ cao su và plastic (+2,1%); chế biến thực phẩm (+1,7%); đồ uống (+0,04%); sản xuất kim loại (-24,4%); thuốc lá (-19,5%); máy móc thiết bị (-15,4%); công nghiệp chế biến, chế tạo (-11,2%); xử lý ô nhiễm (-9,1%); hóa chất (-1,4%); khai khoáng (-0,4%).

Chi tiết theo một số ngành sản phẩm như sau: tăng cao có xe có động cơ (+97,2%); phụ tùng (+62,7%); xe đạp (+61,8%); xe máy (+41,4%); vật liệu xây dựng (+32,6%); dây cáp, dây điện (+25,1%); giường, tủ, bàn, ghế (+19,1%); vải (+15,4%); hàng may sẵn (+14,6%); trang phục (+11,7%); bê tông (+9,9%); giày dép (+8,7%); xà phòng (+8,3%); thuốc (+8,3%); sơn (+7,4%); in (+6,7%); tăng thấp hoặc giảm là: linh kiện điện tử (+4,8%); sản phẩm điện tử dân dụng (+2,9%); sản phẩm từ plastic (+2,1%); pin và ắc quy (+1,8%); giấy nhãn (+1,1%); thiết bị truyền thông (-45,8%); sắt, thép,

gang (-24,4%); thuốc lá (-19,5%); valy, túi xách (-9,6%); hóa chất (-7,3%); thiết bị dây dẫn điện (-2,0%)...

Kết quả sản xuất 4 ngành công nghiệp trọng điểm: ước tháng 6 giảm 2,1% so với tháng 5 (chủ yếu do ngành công nghiệp điện tử so tháng trước giảm mạnh 14,3%); tăng 8,5% so với tháng 6 cùng kỳ. Tính chung 6 tháng tăng 6,4% so với cùng kỳ, cao hơn mức tăng chung của toàn ngành, đây là tháng đầu tiên sau một thời gian dài nhóm 4 ngành trọng điểm có mức tăng cao hơn mức chung toàn ngành, bao gồm: ngành chế biến lương thực, thực phẩm tăng 0,8%, hóa dược cao su tăng 3,2%, điện tử tăng 2,6% và cơ khí chế tạo tăng 21,7%.

Chỉ số tồn kho toàn ngành thời điểm 1/6 so với thời điểm 1/5 giảm 2,8%. Những ngành có mức tồn kho giảm như: phương tiện vận tải khác (-70,4%); hóa chất (-27,0%); in (-11,3%); thuốc lá (-11,1%); kim loại (-9,7%); da (-5,1%)...những ngành có mức tồn kho tăng so với tháng trước như: giấy (+48,5%); đồ uống (+38,4%); chế biến thực phẩm (+25,4%); sản phẩm từ cao su và plastic (+6,8%); thuốc (+6,1%)...Chỉ số tồn kho tháng 5 so với cùng kỳ tăng 0,9%, gồm những ngành có mức tăng như: da (+51,2%); thuốc (+47,7%); giấy (+45,9%); trang phục (+45,6%); in (+19,5%); điện tử (+7,7%); sản phẩm từ cao su và plastic (+4,1%)...ngành có mức tồn kho giảm như: đồ uống (-74,1%); thiết bị điện (-37,1%); kim loại (-25,1%); hóa chất (-24,1%); thuốc lá (-2,3%)...

Chỉ số tiêu thụ tháng 5 so với tháng 4 tăng 9,1%, so với tháng cùng kỳ tăng 17,5%. Những ngành có mức tiêu thụ tăng so với tháng 4 và so với tháng cùng kỳ là: da; giấy; hóa chất; thuốc; kim loại; xe có động cơ; phương tiện vận tải khác; giường, tủ, bàn, ghế.... Cộng dồn 5 tháng đầu năm, chỉ số tiêu thụ tồn kho tăng 7,2% so với cùng kỳ. Những ngành có chỉ số tiêu thụ 5 tháng tăng cao so với cùng kỳ là: phương tiện vận tải khác (+162,0%); xe có động cơ (+47,8%); kim loại (+21,8%); giấy (+13,1%); giường, tủ, bàn, ghế (+12,3%)...Những ngành có chỉ số tiêu thụ tăng thấp hoặc giảm là: sản phẩm từ cao su và plastic (+8,5%); điện tử (+8,4%); hóa chất (+6,5%); da (+5,4%); trang phục (+4,4%); thuốc (+4,1%); in(+3,4%); đồ uống (+3,1%); thuốc lá (-20,9%); thiết bị điện (+12,7%); sản phẩm từ khoáng phi kim loại (-4,5%)...

III. XÂY DỰNG

Giá trị sản xuất xây dựng quý II trên địa bàn thành phố theo giá thực tế ước thực hiện 38.041,1 tỷ đồng, tăng 30,4% so với quý trước, mức tăng khá cao tuy nhiên so với quý II/2013 chỉ tăng 7,5%. Nhìn chung, giá trị sản xuất xây dựng của các khu vực đều tăng so với quý I và quý II cùng kỳ. So với quý I: kinh tế nhà nước +30,4%; khu vực kinh tế tư nhân +32,0%; kinh tế có vốn nước ngoài +14,0%. **Cộng dồn hai quý theo giá thực tế** ước thực hiện 67.205 tỷ đồng, tăng 7,3% so với cùng kỳ, bao gồm: kinh tế nhà nước +5,2%; khu vực kinh tế tư nhân +7,6%; kinh tế có vốn nước ngoài +6,4%.

Giá trị sản xuất xây dựng 6 tháng theo giá so sánh ước thực hiện 55.412 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ, bao gồm: kinh tế nhà nước +3,2%; khu vực kinh tế tư nhân + 5,5%; kinh tế có vốn nước ngoài +4,4%.

IV. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Nông nghiệp thành phố tiếp tục chương trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng nông nghiệp đô thị, tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, tập trung phát triển vào cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Nhờ vậy, 6 tháng đầu năm sản xuất nông nghiệp thành phố tăng khá so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm đạt 6.319,7 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 6% so với cùng kỳ năm trước; trong đó nông nghiệp tăng 4,1%, lâm nghiệp tăng 54,6%, thủy sản tăng 9,1%.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 6 tháng đầu năm 2014

	Giá thực tế		Giá so sánh 2010	
	Tỷ đồng	Cơ cấu (%)	Tỷ đồng	% So sánh với cùng kỳ 2013
Tổng số	6.319,7	100,0	4.516,4	106,0
Nông nghiệp	4.106,8	65,0	3.191,2	104,1
Trồng trọt	1.403,9	22,2	1.169,3	104,0
Chăn nuôi	2.310,9	36,6	1.742,5	104,0
Dịch vụ	391,9	6,2	279,3	105,5
Lâm nghiệp	96,6	1,5	64,0	154,6
Thủy sản	2.116,3	33,5	1.261,2	109,1

1. Nông nghiệp

Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 4.106,8 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 4,1% so với cùng kỳ năm trước; trong đó trồng trọt chiếm 34,2%, tăng 4%; chăn nuôi chiếm 56,3%, tăng 4%.

1.1 Trồng trọt:

Sản xuất vụ Đông xuân: Diện tích gieo trồng cây hàng năm ước đạt 11.406 ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do diện tích lúa giảm.

Lúa gieo trồng 5.558,2 ha, giảm 8,3%; năng suất đạt 47,7 tạ/ha, sản lượng lúa đạt 26.518 tấn, giảm 8,8%. Rau 3.804,6 ha, giảm 2,7%; sản lượng đạt 99.219,5 tấn, tăng 3,3%. Diện tích bắp tăng 26,1%, đậu phộng giảm 4%,...

Vụ hè thu: đến nay lúa đã xuống giống 4.271 ha, tăng 2,4% so với cùng kỳ.

1.2 Chăn nuôi: Theo kết quả điều tra chăn nuôi ngày 1/4/2014, đàn trâu hiện có 5.360 con, tăng 9,3% so với cùng thời điểm năm trước, riêng huyện Củ Chi chiếm 69,2% tổng đàn. Đàn bò 124,7 ngàn con, tăng 16,3%, trong đó đàn bò sữa 99,1 ngàn con, tăng 16,8% (Củ Chi 62,4 ngàn con, tăng 14,5%). Đàn heo 294,9 ngàn con, giảm 1,5% so với thời điểm năm trước. Đàn gà công nghiệp đạt 235,3 ngàn con, tăng 6,6% so cùng thời điểm năm trước.

1.3 Chương trình quản lý và kiểm định giống cây trồng, vật nuôi:

- Bình tuyển, lập lý lịch giống bò sữa: trong năm tháng đầu năm đã thực hiện được 1.945 con, tăng 21% so với cùng kỳ. Tính từ khi triển khai chương trình đến

nay đã bình tuyến, lập lý lịch được 78.289 con, đạt 80% đàn bò sữa thành phố, trong đó có hơn 85% đạt chuẩn đặc cấp theo tiêu chuẩn Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Thực hiện chương trình gieo tinh bò sữa cao sản Israel cấp phát cho các trại chăn nuôi bò sữa là 1.320 liều và 652 liều tinh phân giới tính.

- Tiếp tục công tác đánh giá tiến bộ di truyền giống heo theo phương pháp BLUP.

- Suu tập, phục tráng và thử nghiệm các giống cây trồng mới như: hoa Lili (Hà Lan), dưa lưới trong nhà màng, hoa phong lan Dendro và Mokara...

2. Lâm nghiệp:

Giá trị sản xuất lâm nghiệp ước đạt 96,6 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 54,6% so với cùng kỳ, trong đó hoạt động khai thác tăng 68,9%.

6 tháng đầu năm, Chi cục Lâm nghiệp đã cung cấp 400 ngàn cây giống phân tán; thực hiện trồng mới 105 ha rừng tập trung. Khai thác gỗ 9.467 m³, tăng 6,2% so với cùng kỳ, chủ yếu gỗ nguyên liệu giấy. Sản lượng củi khai thác 663 ster, giảm 52,9%.

Công tác phòng chống cháy rừng và quản lý rừng: đã tổ chức 494 lượt tuần tra bảo vệ rừng; kiểm tra chế biến kinh doanh gỗ và lâm sản 1.001 lượt/316 cơ sở, kiểm tra cơ sở buôn bán động vật hoang dã trái phép 80 lượt. Lập biên bản 40 vụ vi phạm luật bảo vệ và phát triển rừng, xử phạt 36 vụ vi phạm, thu nộp ngân sách 224 triệu đồng.

3. Thủy sản:

Giá trị thủy sản ước đạt 2.116,3 tỷ đồng (giá thực tế), tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá trị nuôi trồng 1.563,3 tỷ đồng, tăng 14,9%; khai thác 534,5 tỷ đồng, giảm 6,4%.

Sản lượng thủy sản ước đạt 21.366,4 tấn, giảm 1,2% so với cùng kỳ. Khai thác 9.627,2 tấn, giảm 7,8%, trong đó cá các loại chiếm 68,3%, giảm 8,6%. Nuôi trồng 11.739,2 tấn, tăng 5%, riêng tôm thẻ chân trắng 4.849 tấn, tăng 10,2%; diện tích nuôi trồng thủy sản ước đạt 6.046 ha (diện tích nuôi trồng nước lợ 3.961 ha, trong đó tôm chiếm 86,2%).

V. VỐN ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng

Tổng vốn đầu tư trên địa bàn thành phố 6 tháng đầu năm ước thực hiện 60.134 tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng năm 2013 tăng 3,1%).

Trong đó: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 52.290 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 22,2%; so cùng kỳ tăng 3,2% (6 tháng năm 2013 tăng 3,0%).

Vốn đầu tư xây dựng 6 tháng phân theo nguồn vốn

Đơn vị tính: %

	Vốn đầu tư xây dựng (tỷ đồng)	% so sánh 6 tháng với cùng kỳ	
		Năm 2013	Năm 2014
Tổng số	52.290	103,0	103,2
- Nguồn ngân sách	8.004	105,5	102,5
- Nguồn doanh nghiệp nhà nước	8.906	98,9	101,2
- Nguồn DN ngoài nhà nước	11.439	100,6	101,5
- Nguồn đầu tư nước ngoài	9.209	102,8	102,9
- Nguồn vốn khác	14.732	106,6	106,4

Vốn đầu tư sáu tháng đầu năm có tốc độ tăng cao hơn cùng kỳ năm trước nhưng tốc độ tăng còn thấp, nguyên nhân do nhiều ngành vẫn còn khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm nên doanh nghiệp chưa mạnh dạn đầu tư.

Vốn đầu tư xây dựng thuộc ngân sách thành phố 6 tháng ước thực hiện 7.385,1 tỷ đồng, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức tăng cùng kỳ (6 tháng năm 2012 tăng 5,8%). Cấp thành phố ước thực hiện 4.415,3 tỷ đồng, chiếm 59,8%; cấp quận huyện ước thực hiện 2.969,8 tỷ đồng, chiếm 40,2%.

Vốn đầu tư xây dựng thực hiện (ngân sách địa phương)

	6 tháng (tỷ đồng)	(%) So với cùng kỳ 2013
Tổng vốn đầu tư	7.385,1	102,5
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	488,8	101,0
Cấp thành phố	4.415,3	117,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	382,2	160,4
Cấp quận huyện	2.969,8	86,6
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	108,6	42,5

Nhìn chung, sáu tháng đầu năm vẫn tập trung cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng.

Tình hình thực hiện nguồn vốn ODA:

Theo kế hoạch vốn (đợt 1) có 39 dự án có nguồn vốn ODA được phân bổ với tổng vốn 4.000 tỷ đồng, tập trung ưu tiên cho các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng, các dự án thoát nước, cải thiện môi trường nước. Sáu tháng đầu năm nay ước tính khối lượng thực hiện 1.752,7 tỷ đồng, so với kế hoạch đạt 43,8%; so với 6 tháng cùng kỳ năm trước tăng 60,3%.

Một số khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện vốn:

+ Thuận lợi: Thành phố đã có chủ trương ưu tiên vốn cho những dự án trọng điểm, các công trình có tính cấp bách.

+ Khó khăn:

- Nguồn vốn XDCB giao còn chưa đủ so với nhu cầu;

- Kế hoạch vốn đợt 2 chưa được giao;
- Tiến độ đền bù giải tỏa ở các quận huyện vẫn gặp khó khăn;
- Năng lực một số nhà thầu trong nước còn yếu, chưa đáp ứng được tài chính, máy móc công nghệ thi công để đảm bảo chất lượng tiến độ;
- Nhiều dự án chuẩn bị đầu tư trọng điểm chưa được giao vốn dẫn đến làm chậm việc lập và phê duyệt dự án...

2. Tình hình cấp giấy phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/6, đã có 162 dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký 794 triệu USD (vốn điều lệ 518,9 triệu USD). Vốn đầu tư bình quân mỗi dự án đạt 4,9 triệu USD.

Chia theo hình thức đầu tư: 100% vốn nước ngoài 117 dự án, vốn đầu tư đạt 331,2 triệu USD; liên doanh 45 dự án, vốn đầu tư 462,8 triệu USD.

Chia theo lĩnh vực đầu tư: Đứng đầu về vốn đầu tư, hoạt động kinh doanh bất động sản với 4 dự án, số vốn đạt 341,3 triệu USD (chiếm 43% tổng vốn đăng ký cấp mới); công nghiệp 23 dự án, vốn đầu tư 233,7 triệu USD (chiếm 29,4%); thương nghiệp 33 dự án, vốn đầu tư 49,4 triệu USD (chiếm 6,2%); hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ 33 dự án, vốn đầu tư 147,4 triệu USD (chiếm 18,6%); thông tin và truyền thông 43 dự án, vốn đầu tư 10,9 triệu USD;...

Chia theo đối tác đầu tư: tính từ đầu năm đến nay, đã có 27 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư trên địa bàn, trong đó British Virgin Islands là nhà đầu tư có tổng vốn đầu tư đăng ký cấp mới lớn nhất đạt 346,1 triệu USD, chiếm 43,6% tổng vốn. Singapore đứng vị trí thứ hai với 20 dự án, vốn đầu tư 218,2 triệu USD (chiếm 27,5%); Nhật Bản 35 dự án, vốn đầu tư 53,2 triệu USD (chiếm 6,7%); Samoa 1 dự án, vốn đầu tư 50 triệu USD (chiếm 6,3%); Hồng Kông 14 dự án, vốn đầu tư 49,2 triệu USD (chiếm 6,2%); Hàn Quốc 21 dự án, vốn đầu tư 17,2 triệu USD;....

Điều chỉnh tăng vốn đầu tư 49 dự án, số vốn tăng 107,7 triệu USD. **Tổng vốn đăng ký cấp mới và tăng vốn đến ngày 15/6 đạt 901,7 triệu USD** (cùng kỳ năm trước đạt 491,3 triệu USD). **Số dự án còn hiệu lực hoạt động có đến ngày 15/6 trên địa bàn thành phố là 5.063 dự án với tổng vốn đầu tư 34.269,9 triệu USD.**

Một số dự án lớn được cấp phép đến ngày 15/6:

- Dự án Khu chung cư Phường 22 - Quận Bình Thạnh, British Virgin Islands, vốn đầu tư 200,1 triệu USD, với mục tiêu xây dựng khu căn hộ để ở và kết hợp trung tâm thương mại.

- Dự án Cty TNHH Worldon (Việt Nam), British Virgin Islands, vốn đầu tư 140 triệu USD, mục tiêu sản xuất sản phẩm may mặc cao cấp.

- Dự án Cty CP Masan Agri, Singapore, vốn đầu tư 102,9 triệu USD, dịch vụ nghiên cứu thị trường, tư vấn quản lý.

- Dự án Cty TNHH Villa Arcadia, Singapore, vốn đầu tư 102 triệu USD, Singapore, đầu tư xây dựng khu nhà ở để bán và cho thuê.

3. Tình hình cấp phép xây dựng nhà ở hộ dân cư

Tính đến ngày 31/5, toàn thành phố đã cấp 19.445 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 4.010,7 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 19.082 giấy phép, với diện tích 3.971,7 ngàn m² và 363 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 39 ngàn m².

So với cùng kỳ tăng 23,7% về giấy phép (+3.725) và tăng 40,8% về diện tích (+1.142,3 ngàn m²).

4. Doanh nghiệp thành lập mới và ngừng hoạt động

4.1. Cấp phép thành lập doanh nghiệp (khu vực không có vốn nước ngoài)

Tính từ đầu năm đến 15/6 đã có 11.189 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới; trong đó: 492 doanh nghiệp tư nhân, 1.170 công ty cổ phần và 9.527 công ty TNHH. Tổng vốn đăng ký thành lập doanh nghiệp 59.259 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2013, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới giảm 6% (giảm 714 doanh nghiệp), nhưng số vốn đăng ký tăng 7,4% (4.061 tỷ đồng).

Số doanh nghiệp thành lập của khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 23,5% trong tổng số doanh nghiệp mới thành lập, giảm 132 doanh nghiệp so với cùng kỳ; khu vực dịch vụ chiếm 75,8%, tăng 11%.

Vốn đăng ký thành lập bình quân 1 doanh nghiệp ngành công nghiệp là 4,2 tỷ đồng bằng 42,8% 1 doanh nghiệp ngành xây dựng và bằng 89% 1 doanh nghiệp ngành dịch vụ.

4.2. Doanh nghiệp ngừng hoạt động

Trong 5 tháng đầu năm có 8.146 doanh nghiệp ngưng nghỉ hoạt động, bằng 77,9% số doanh nghiệp tăng trong kỳ (bao gồm doanh nghiệp được cấp mã số thuế mới là 8.100 và doanh nghiệp tái hoạt động sau thời gian ngưng nghỉ là 2.325). So với 5 tháng cùng kỳ năm 2013, số doanh nghiệp ngưng nghỉ giảm 2,1%. Trong tổng số 8.146 doanh nghiệp ngừng hoạt động có 67 doanh nghiệp có vốn nước ngoài bằng 65% cùng kỳ và 8.064 doanh nghiệp ngoài nhà nước bằng 98% cùng kỳ.

VI. NỘI THƯƠNG VÀ GIÁ TIÊU DÙNG

1. Nội thương:

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 6 ước đạt 54.595 tỷ đồng, tăng 2,8% so với tháng trước, tăng 15,4% so với cùng kỳ. Một số nhóm hàng có mức tăng cao so tháng trước: đồ dùng trang thiết bị gia đình tăng 6%, ô tô và phương tiện đi lại tăng 20%, xăng dầu tăng 4,1%, nhiên liệu khác 7,3%...

Ước tính 6 tháng đầu năm, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 312.147 tỷ đồng, tăng 12,8% so cùng kỳ năm 2013. Loại trừ biến động giá, lượng hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 7,7%.

Chia theo thành phần kinh tế:

Kinh tế nhà nước 46.651 tỷ đồng, chiếm 14,9%, tăng 14,4%.

Kinh tế ngoài nhà nước 250.342 tỷ đồng, chiếm 80,2%, tăng 12,5%

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 15.014 tỷ đồng, chiếm 4,8%, tăng 12,6%.

Chia theo ngành kinh tế:

Thương nghiệp 231.805 tỷ đồng, chiếm 74,3%, tăng 13,5%.

Khách sạn, nhà hàng 34.893 tỷ đồng, chiếm 11,2%, tăng 12,4%.

Dịch vụ 20.331 tỷ đồng, chiếm 6,5%, tăng 11,2%.

Du lịch 9.250 tỷ đồng, chiếm 3%, tăng 14%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 6 tháng (tỷ đồng)			% so sánh 6 tháng với cùng kỳ 2013		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
Tổng mức	312.147	297.133	15.014	112,8	112,9	112,6
Tr.đó: Thương nghiệp	231.805	226.098	5.707	113,5	113,3	122,9
Khách sạn	3.353	1.762	1.591	103,7	102,2	105,4
Nhà hàng	31.540	29.649	1.891	113,4	115,3	90,5
Dịch vụ du lịch lữ hành	9.250	8.067	1.183	114,0	112,1	128,7

Hoạt động du lịch: Doanh thu khách sạn và dịch vụ lữ hành 6 tháng 2014 ước đạt 12.603 tỷ đồng, chiếm 4% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 11% so cùng kỳ.

2. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6 tăng 0,58% so với tháng 5, chủ yếu do tác động của giá dịch vụ y tế tăng 11,65%. Trong 11 nhóm mặt hàng có 8 nhóm hàng tăng giá: ăn uống (+0,53%), may mặc (+0,03%), nhà ở điện nước chất đốt (+0,44%), thiết bị đồ dùng gia đình (0,05%), dược phẩm dịch vụ y tế (8,69%), giáo dục (0,04%) và hàng hóa dịch vụ khác (+0,25%); 3 nhóm hàng giảm giá là đồ uống thuốc lá (-0,05%), bưu chính viễn thông (-0,35%) và văn hóa giải trí (-0,13%).

Mức biến động giá một số hàng hóa trong tháng: lương thực (-0,05%), thịt heo (+0,53%); thịt bò (+0,42%), gia cầm tươi sống (+0,63%), thịt chế biến (-0,01%), thủy sản tươi sống (+0,86%), thủy sản chế biến (+0,41%), rau tươi khô chế biến các loại (+4,3%), trứng các loại (+0,88%, dầu mỡ ăn và chất béo khác (+1,11%), sữa (+2,4%), rượu bia các loại (+0,07%), gas (+1,33%); xăng dầu (+0,19%); dịch vụ y tế (+11,65%), vé

tàu hỏa (+9,39%), du lịch trọn gói (+0,29%). Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình không biến động.

So với tháng 6/2013 chỉ số giá tiêu dùng tăng 5,52%. Có 2 nhóm hàng giảm là bưu chính viễn thông (-1,04%) và văn hóa giải trí (-0,32%). 9 nhóm hàng còn lại đều tăng, trong đó nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn tăng 3,27%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 8,15%; nhà ở điện nước chất đốt tăng 3,36%; giao thông tăng 3,77%.

So với tháng 12/2013, giá tiêu dùng tăng 1,09%, với mức tăng cao nhất của nhóm thuốc và dịch vụ y tế là +8,53%, giao thông là nhóm có mức tăng xếp thứ hai (+2,46%) chủ yếu do xăng dầu tăng (+4,09%), xếp thứ ba là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+1,54%) trong đó thực phẩm tăng 2,44%. Như vậy bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm chỉ số giá tiêu dùng tăng 0,89%.

Mức tăng (+), giảm (-) giá tiêu dùng

	Đơn vị tính: %		
	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
So với tháng trước			
Tháng 1	+0,89	+ 0,45	+0,40
Tháng 2	+1,32	+ 1,00	+0,24
Tháng 3	+0,12	- 0,29	-0,46
Tháng 4	+0,08	- 0,33	-0,04
Tháng 5	+0,06	- 0,16	+0,36
Tháng 6	-0,43	+ 0,12	+0,58
Tháng 6 so với tháng 12 năm trước	+2,05	+0,78	+1,09
Tháng 6 so với tháng 6 cùng kỳ năm trước	+6,01	+0,13	+5,52

Chỉ số **giá bình quân 6 tháng đầu năm 2014 so với cùng kỳ tăng 4,79%** (6 tháng năm 2013 tăng 2,86%)

VII. XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 6 ước đạt 2.646,4 triệu USD, giảm 1,2% so với tháng trước, tăng 13,9% so cùng kỳ.

Ước tính 6 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 14.182 triệu USD, tăng 5,7% so cùng kỳ năm trước (+766,7 triệu USD).

Trong đó:

- Kinh tế nhà nước chiếm 33,1%, tăng 8,5%
- Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 30,5%, giảm 0,4%
- Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 36,5%, tăng 8,8%.

Loại trừ trị giá dầu thô, trị giá xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt 10.314,2 triệu USD, tăng 5,7%. Trong đó khu vực kinh tế nhà nước tăng 23,5%.

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế
(Không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 6 2014	6 tháng 2014	Tháng 6 với tháng 5	6 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	1.891,4	10.314,2	107,0	105,7
Kinh tế trong nước	922,7	5.141,7	106,0	102,8
Kinh tế Nhà nước	141,0	819,6	97,0	123,5
Kinh tế Ngoài nhà nước	781,7	4.322,1	107,9	99,6
Kinh tế có vốn nước ngoài	968,7	5.172,5	108,0	108,8

Chia theo nhóm hàng:

Nhóm hàng nông sản chiếm 20,4% trong tổng kim ngạch không tính dầu thô, tăng 16,2% so cùng kỳ, Hàng thủy hải sản chiếm 3,5%, tăng 21,5%. Hàng lâm sản chiếm 2,5%, tăng 29,8%; Nhóm hàng công nghiệp chiếm 65,8%, tăng 0,3%. Nhóm hàng hóa khác chiếm 7,8%, tăng 17,2%.

Chia theo thị trường xuất khẩu: Thị trường Mỹ chiếm 17,1% trong tổng kim ngạch kể cả dầu thô, tăng 8% so cùng kỳ; Nhật Bản chiếm 17,1%, tăng 20%; Trung Quốc 12,1%, tăng 31,7%; Australia 6,7%, tăng 17%; Malaysia 4,9%, giảm 51%; Singapore 4,4%, tăng 127,5%...

Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu so với cùng kỳ:

- Rau quả 232,2 triệu USD, chiếm 2,3% tổng kim ngạch không tính dầu thô, tăng 57,9%;

- Cà phê 458,1 triệu USD, chiếm 4,4%, tăng 25,3%;

- Hạt tiêu 393 triệu USD, chiếm 3,8%, tăng 100,4%,

- Gạo 579,2 triệu USD, chiếm 5,6%, tăng 12,6%;

- Thủy sản 364,3 triệu USD, chiếm 3,5%, tăng 21,5%;

- Hàng dệt may 2.334,8 triệu USD, chiếm 22,6%, tăng 10,2%;

- Giày dép 1.138,4 triệu USD, chiếm 11%, tăng 23,1%;

- Máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng 706,6 triệu USD, chiếm 6,9%, tăng 36%

- Cao su 211,1 triệu USD, chiếm 2%, giảm 39,3%;

- Máy vi tính và SP điện tử 1.248,6 triệu USD, chiếm 12,1%, giảm 14%.

Riêng dầu thô chiếm 27,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 5,8%.

2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 6 ước thực hiện 2.302 triệu USD, giảm 4,2% so với tháng trước và giảm 14,4% so cùng kỳ.

Ước tính 6 tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu đạt 12.446,3 triệu USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ 2013. Kinh tế nhà nước chiếm 8,5%, giảm 1,2%; Kinh tế ngoài nhà nước chiếm 55,9%, giảm 7,7%; kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 35,6%, tăng 7,4%.

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 6	6 tháng	Tháng 6 với tháng 5	6 tháng so cùng kỳ 2013
Tổng số	2.302,0	12.446,3	95,8	97,8
Kinh tế Nhà nước	187,8	1.062,5	100,4	98,8
Kinh tế Ngoài nhà nước	1.301,6	6.953,1	93,0	92,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	812,6	4.430,7	99,7	107,4

Chia theo thị trường nhập khẩu: Thị trường Trung Quốc chiếm 24,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, tăng 16,1% so cùng kỳ; Singapore 10%, tăng 25,3%; Mỹ 6,5%, tăng 41,1%; Nhật Bản 6,5%, tăng 4,2%; Đài Loan 7,1%, tăng 24,6%; Thái Lan 6,3%, tăng 14%; Hàn Quốc 6,3%, tăng 8,7%...

Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu so cùng kỳ:

- + Nhiên liệu: 375,1 triệu USD, chiếm 3%, tăng 67,5%
- + Hóa chất 276,1 triệu USD, chiếm 2,2%, tăng 11,6%.
- + Các SP hóa chất 418,1 triệu USD, chiếm 3,4%, tăng 9,7%.
- + Dược phẩm 503,6 triệu USD, chiếm 4%, tăng 10,4%.
- + Chất dẻo đạt 792,7 triệu USD, chiếm 6,4%, tăng 12,7%.
- + Vải các loại 1.146 triệu USD, chiếm 9,2%, tăng 19,9%
- + Nguyên phụ liệu dệt, may, da giày 406,3 triệu USD, chiếm 3,3%, tăng 17%.
- + Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 1.622,4 triệu USD, chiếm 13%, tăng 34,6%
- + Sữa và sản phẩm sữa nhập khẩu 287,8 triệu USD, chiếm 2,3%, tăng 8,9%.
- + Sắt thép đạt 727,2 triệu USD, chiếm 5,8%, tăng 25,5%.
- + Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 1.465,7 triệu USD, chiếm 11,8%, giảm 10%

VIII. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách tháng 6 ước đạt 4.928,9 tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 12,4% so với cùng kỳ 2013.

Ước tính 6 tháng đầu năm đạt 28.720,1 tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó khu vực nhà nước chiếm 13,1%, tăng 9,3%; ngoài nhà nước chiếm 81,8%, tăng 16,3%, có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 5,1%, tăng 1,2%.

Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách 6 tháng đầu năm

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 6 tháng với cùng kỳ 2013	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	19.698,0	9.022,1	114,6	114,1
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	3.086,4	669,0	110,0	106,4
Kinh tế ngoài nhà nước	16.501,1	6.984,8	115,7	117,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	110,5	1.368,3	92,3	102,0
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	10.841,7	7.664,8	115,4	116,7
Đường sông	1.884,5	168,6	117,4	124,3
Đường biển	6.938,1		112,7	
Hàng không	33,6	1.188,7	97,7	99,1

** Vận tải hàng hóa*

Doanh thu 19.698 tỷ đồng, tăng 14,6% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 55%, tăng 15,4%. Vận tải đường biển chiếm 35,2%, tăng 12,7%.

Khối lượng hàng hóa vận chuyển 6 tháng đầu năm ước đạt 67.748,9 nghìn tấn, tăng 12,3% so cùng kỳ. Hàng hóa luân chuyển ước đạt 26.954,5 triệu tấn.km, tăng 8,7% so cùng kỳ.

** Vận tải hành khách*

Doanh thu 6 tháng đầu năm ước đạt 9.022,1 tỷ đồng, tăng 14,1% so cùng kỳ. Vận tải đường bộ chiếm 85%, tăng 16,7%.

Số lượt hành khách vận chuyển 6 tháng đầu năm ước đạt 398,9 triệu lượt người, tăng 11,3%. Hành khách luân chuyển 8.178,4 triệu lượt người.km, tăng 10,6%.

2. Hàng hóa qua cảng

Tổng lượng hàng hóa thông qua cảng sông và cảng biển tháng 6 ước thực hiện 6.944,2 nghìn tấn, tăng 0,2% so tháng trước và tăng 12,6% so với tháng 6/2013. 6 tháng đầu năm ước đạt 39.836 nghìn tấn, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó hàng hoá xuất khẩu 15.438 nghìn tấn, chiếm 38,8%, tăng 16,1%; hàng nhập khẩu 17.531,8 nghìn tấn, chiếm 44%, tăng 10,8%.

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 6	6 tháng	Tháng 6 so tháng 5	6 tháng so với cùng kỳ 2013
Tổng số	6.944,2	39.836,0	100,2	113,0
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	6.748,2	38.663,4	100,4	112,4
Cảng sông	196,0	1.172,6	92,8	138,0
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	2.745,9	15.438,0	100,6	116,1
Hàng nhập khẩu	2.964,1	17.531,8	100,4	110,8
Hàng nội địa	1.234,2	6.866,3	98,8	111,8

IX. TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

1. Tài chính

Tổng thu ngân sách Nhà nước 6 tháng ước thực hiện 123.103,8 tỷ đồng, đạt 53,9% dự toán, tăng 14,6% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa 67.823,5 tỷ đồng, đạt 54,6% dự toán, tăng 16,2% so cùng kỳ; thu từ dầu thô 15.670,5 tỷ đồng, đạt 57,4% dự toán, tăng 3,3% so cùng kỳ; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 38.416 tỷ đồng, đạt 51,4% dự toán, tăng 17,9%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 6 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng thu	228.340	123.103,8	53,9	114,6
Tổng thu cân đối ngân sách NN	226.300	121.910,0	53,9	114,9
I- Thu nội địa	124.200	67.823,5	54,6	116,2
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	23.950	14.740,7	61,5	124,2
2. Khu vực ngoài nhà nước	29.500	15.831,0	53,7	107,6
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	33.745	18.312,3	54,3	124,8
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	74.800	38.416,0	51,4	117,9
III- Thu từ dầu thô	27.300	15.670,5	57,4	103,3

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 6 tháng ước đạt 14.740,7 tỷ đồng, chiếm 21,7% tổng thu nội địa, tăng 24,2% so cùng kỳ. Trong đó: Doanh nghiệp nhà nước trung ương ước thực hiện 9.031,9 tỷ đồng, đạt 62,9% dự toán, tăng 26,2%; Doanh nghiệp nhà nước địa phương 5.708,8 tỷ đồng, đạt 59,5% dự toán, tăng 21,2%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 15.831 tỷ đồng, chiếm 23,3%, tăng 7,6% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 18.312,3 tỷ đồng, chiếm 27%, tăng 24,8%. Thu khác đạt 18.939,5 tỷ đồng, tăng 10,7%; trong đó thuế thu nhập cá nhân 9.438,5 tỷ đồng, giảm 7,1%, Thu tiền sử dụng đất 3.401,6 tỷ đồng, tăng 65,3%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 6 tháng ước đạt 24.136,1 tỷ đồng, đạt 58,7% dự toán, tăng 18,9% so cùng kỳ năm 2013.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 6 tháng ước thực hiện 18.180,4 tỷ đồng, đạt 43,3% dự toán, tăng 3,9% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2014 (Tỷ đồng)		% thực hiện 6 tháng năm 2014 so với	
	Dự toán	Ước TH 6 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2013
Tổng chi (trừ tạm ứng)	41.979,3	18.180,4	43,3	103,9
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.145,9	6.854,0	61,5	112,6
II- Chi thường xuyên	29.500,0	11.162,0	37,8	98,8
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	4.080,3	900,6	22,1	56,1
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	8.296,2	3.634,7	43,8	115,7
Sự nghiệp y tế	3.269,7	1.121,9	34,3	110,3
Quản lý hành chính	4.608,4	1.929,9	41,9	108,2

Chi đầu tư phát triển 6.854 tỷ đồng, đạt 61,5% dự toán, tăng 12,6% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 11.162 tỷ đồng, giảm 1,2% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 900,6 tỷ đồng, giảm 43,9%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 3.634,7 tỷ đồng, tăng 15,7%; chi sự nghiệp y tế 1.121,9 tỷ đồng, tăng 10,3%; chi quản lý hành chính 1.929,9 tỷ đồng, tăng 8,2%; chi đảm bảo xã hội tăng 19,2%; Chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 62,3%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 6 tháng ước đạt 34.898,8 tỷ đồng, đạt 83,1% dự toán, tăng 6,4% so cùng kỳ 2013.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 6 đạt 1.172,5 ngàn tỷ đồng, bằng 100% tháng trước (chỉ số này tháng trước: 99,5%); so với tháng cùng kỳ tăng 13,1%. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 56,2% tổng vốn huy động, tăng 13,9% so tháng cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 14,8% tổng vốn huy động, tăng 5,7% so tháng cùng kỳ; vốn huy động VNĐ chiếm 85,2% tổng vốn huy động, tăng 14,5% so tháng cùng kỳ. Tiền gửi tiết kiệm chiếm 56,8%, tăng 17,4% so với tháng cùng kỳ.

- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến đầu tháng 6 đạt 959,2 ngàn tỷ đồng, giảm 0,1% so tháng trước, thấp hơn chỉ số của tháng 5 (-0,3%); so với tháng 12/2013 tăng 0,7%; so với tháng cùng kỳ dư nợ tăng 9,3%.

Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 531,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 55,4% tổng dư nợ, tăng 12,4% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 165,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 17,3% tổng dư nợ, tăng 0,4% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ đạt 793,7 ngàn tỷ đồng, chiếm 82,7% tổng dư nợ, tăng 11,4% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung, dài hạn chiếm 46,7%, tăng 14,2% so tháng cùng kỳ. Dư nợ tín dụng ngắn hạn chiếm 53,3% tăng 5,3% so tháng cùng kỳ.

3- Thị trường chứng khoán

Đến cuối tháng 05/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 300 gồm 298 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ, giảm 4 chứng khoán so với cuối tháng 04/2014 (ngày 15/05/2014 hủy niêm yết 4 mã cổ phiếu: mã PXM của Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí miền Trung, mã FDG của Công ty Cổ phần Docimexco, mã CNT của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư, mã CLP của Công ty Cổ phần Thủy sản Cửu Long). Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 989.819,14 tỷ đồng, tăng 17,5% so với cuối năm 2013. Trong tháng 05/2014 có 20 phiên giao dịch, 12 phiên tăng điểm và 8 phiên giảm điểm. Đến cuối tháng, VN-Index đạt 562,02 điểm, tăng 57,39 điểm (tương ứng tăng 11,4%) so với cuối năm trước và giảm 15,98 điểm (tương ứng giảm 2,8%) so với cuối tháng trước.

Khối lượng giao dịch của tháng 05/2014 đạt 2.068,00 triệu chứng khoán, giảm 3,7% so với tháng 04/2014. Giá trị giao dịch của tháng đạt 31.097,90 tỷ đồng, giảm 23,5% so tháng 04/2014. Trung bình mỗi phiên có 103,40 triệu chứng khoán được chuyển

nhượng với giá trị 1.554,90 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch trung bình mỗi phiên giảm 3,7% và giá trị giao dịch giảm 23,5% so với tháng 04/2014.

Trong năm 2014, VN-Index đạt mức thấp nhất vào ngày 02/01 với 504,51 điểm và đạt mức cao nhất vào ngày 24/03 với 607,55 điểm.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 05/2014	5 tháng năm 2014	Tháng 05 so tháng 04	5 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	2.068,00	11.917,86	96,3	184,9
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	2.066,50	11.903,21	96,4	186,4
Trái phiếu	1,30	13,20	26,5	89,8
Chứng chỉ quỹ	0,20	1,45	64,5	3,1
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	1.958,50	11.301,05	101,0	194,3
Giao dịch thỏa thuận	109,50	616,81	52,5	98,1
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	31.097,90	203.146,33	76,5	193,0
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	30.983,97	201.983,95	77,1	194,9
Trái phiếu	112,07	1.148,75	24,7	97,7
Chứng chỉ quỹ	1,86	13,63	62,2	3,0
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	27.915,54	180.543,39	83,2	208,0
Giao dịch thỏa thuận	3.182,36	22.602,94	44,8	122,2

Cập nhật đến ngày 13/06/2014, tổng số chứng khoán được phép giao dịch khớp lệnh là 300 chứng khoán. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết là 1.013.802,20 tỷ đồng, tăng 20,3% so với cuối năm 2013. VN-Index tại ngày 13/06 đạt 574,48 điểm, tăng 69,85 điểm so với cuối năm 2013 (tương ứng tăng 13,8%).

X. HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Hoạt động văn hóa thông tin

* **Các hoạt động lễ hội:** Công tác tổ chức những ngày lễ lớn trong 6 tháng đầu năm là một trong những công tác trọng tâm trong lĩnh vực văn hóa, lễ hội và các hoạt động kỷ niệm đã được thành phố tổ chức tưng bừng đầy màu sắc theo phong tục cổ truyền mang ý nghĩa tinh thần sâu sắc, tuyên truyền, cổ động chính trị gắn với tinh thần giáo dục lòng yêu nước, truyền thống lịch sử của dân tộc. Lễ đón bằng của UNESCO vinh danh Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam bộ là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được tổ chức với nhiều hoạt động phong phú tại Hội trường Thống Nhất, thu hút trên 6.000 người đến tham dự cùng khán giả xem truyền hình trực tiếp qua màn ảnh nhỏ; Chào mừng 39 năm giải phóng và thống nhất đất nước; kỷ niệm 124 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng được tổ chức trang trọng...

* **Hoạt động văn hóa, nghệ thuật:** Trong 6 tháng đầu năm, Trung tâm Thông tin Triển lãm đã tổ chức 28 cuộc triển lãm, 24 cụm panô, 288 panô, 623 banderole, 3.350 phướn, 170 cờ các loại phục vụ các ngày lễ kỷ niệm, sự kiện, chương trình mục tiêu của Thành phố. Tham dự Liên hoan tuyên truyền lưu động toàn quốc kỷ niệm 55 năm ngày mở đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh và 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tại tỉnh Điện Biên, tổ chức Liên hoan tuyên truyền Lưu động Thành phố Hồ Chí Minh năm 2014 với chủ đề: “Thành phố Hồ Chí Minh hướng về biên giới và biển, đảo thân yêu”...

Các đơn vị nghệ thuật công lập trên địa bàn thành phố đã thực hiện trên 800 suất diễn phục vụ hơn 663 ngàn lượt người xem. Trong đó 241 suất biểu diễn phục vụ vùng sâu, vùng xa, ngoại thành, trường trại, phục vụ hơn 110 ngàn lượt người (trong đó, có 26 suất phục vụ trường trại).

* **Về hoạt động thư viện:** Từ đầu năm đến nay, hệ thống thư viện của thành phố đã tham gia phục vụ hơn 631,9 ngàn lượt người đến tham khảo và mượn sách, giảm 31,5% so với cùng kỳ năm trước. Thư viện Khoa học Tổng hợp tham gia phục vụ Lễ hội Đường sách lần thứ IV tại đường Mạc Thị Bưởi - Ngô Đức Kế đã thu hút 152,8 ngàn lượt bạn đọc, phục vụ 305,7 ngàn lượt tài liệu. Triển lãm giới thiệu tài liệu về biển đảo Việt Nam với hơn 395 nhan đề. Tham dự Liên hoan cán bộ Thư viện tuyên truyền giới thiệu sách chủ đề “Âm vang Điện Biên” tại Thành phố Điện Biên...

* **Về công tác bảo tàng:** Hệ thống bảo tàng thành phố đã tổ chức được 95 cuộc trưng bày, triển lãm (trong đó có 71 cuộc lưu động) phục vụ hơn 680 ngàn lượt khách. Tổng số khách tham quan các bảo tàng ước đạt 1.530 ngàn lượt (tăng 9% so với cùng kỳ năm trước), khách nước ngoài ước đạt 448 ngàn lượt, tăng 12% so với cùng kỳ 2013.

2. Hoạt động thể dục thể thao

Hoạt động thể dục thể thao cộng đồng tiếp tục được tổ chức sôi nổi với nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Nhiều hoạt động thể thao dành cho cộng đồng được tổ chức dưới hình thức xã hội hóa thu hút sự quan tâm với số lượng người tham dự đông đảo như Vòng chung kết giải Thể thao Sinh viên Việt Nam, cuộc đua xích lô từ thiện năm 2014 “Saigon Cyclo Challenge 2014”, chương trình chạy bộ năm 2014 “RMIT Vietnam Fun Run 2014”, giải bán Marathon “Cuộc đua mùa xuân” năm 2014, Festival bóng rổ trường học năm 2014... Bên cạnh đó, Ngành thể dục thể thao đã xây dựng Kế hoạch tổ chức cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2012-2020...

Thể thao thành tích cao: Để chuẩn bị lực lượng tham dự các giải thể thao toàn quốc và quốc tế, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch đã triển khai tổ chức giải thi đấu các cấp, tuyển chọn cử vận động viên tập huấn, thi đấu trong và ngoài nước. Cụ thể: Tập huấn Quốc gia: tổ chức tập huấn cho 19 HLV, 76 VĐV thuộc 18 môn được triệu tập vào đội dự tuyển quốc gia và 12 HLV, 58 VĐV thuộc 13 môn vào đội trẻ quốc gia.

Tổ chức tập huấn và tham dự thi đấu:

+ Tập huấn trong nước: tổ chức tập huấn cho 186 HLV, 963 VĐV, 6 chuyên gia thuộc 36 môn.

+ Tập huấn nước ngoài: cử 6 HLV, 55 VĐV thuộc 5 môn thể thao tham dự tập huấn.

+ Thi đấu trong nước: Cử 244 HLV, 1.414 VĐV, 9 chuyên gia, 30 trọng tài tham dự giải toàn quốc đạt 199 HCV, 158 HCB, 177 HCD. Trong đó, đạt 47 HCV, 34 HCB, 30 HCD tại các giải vô địch quốc gia; 03 giải đạt hạng nhất toàn, 04 giải hạng nhì toàn đoàn.

+ Thi đấu Quốc tế: Cử 50 HLV, 230 VĐV, 8 chuyên gia, 7 trọng tài thuộc 24 môn thể thao đạt 13 HCV, 12 HCB, 19 HCD. (Giải Châu Á: 2 HCV, 7 HCB, 4 HCD; Giải Đông Nam Á: đạt 9 HCV, 5 HCB, 10 HCD; Giải mở rộng: đạt 2 HCV, 5 HCD).

Tổ chức hệ thống thi đấu thành phố và đăng cai toàn quốc, quốc tế: 67 giải thành phố, 10 giải toàn quốc và 12 giải quốc tế.

3. Y tế

- Công tác y tế dự phòng

Thành phố vẫn tiếp tục tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát, hỗ trợ công tác phòng chống dịch bệnh tại 24 quận, huyện, tập trung mạnh vào những quận, huyện có số ca mắc cao về tay chân miệng, sốt xuất huyết như Bình Chánh, Quận 8, Bình Thạnh, Hóc Môn, Tân Phú... đồng thời thành phố cũng tăng cường hoạt động tuyên truyền, phát động chiến dịch “vệ sinh khử khuẩn, vệ sinh môi trường, diệt muỗi, diệt lăng quăng, phòng ngừa dịch bệnh trên địa bàn thành phố”. Kiểm soát chặt chẽ các ca nhiễm trong các trường mầm non và các nhóm trẻ gia đình; Xử lý triệt để các ổ dịch, các ca bệnh theo các hướng dẫn và quy định do Bộ Y tế ban hành. Tình hình dịch bệnh 5 tháng đầu năm 2014 như sau:

+ **Bệnh sốt xuất huyết:** phát hiện 3.205 ca, đã có 3 ca tử vong (không đổi so với cùng kỳ 2013). Bệnh chủ yếu xuất hiện nhiều ở các quận/huyện có nhiều kênh rạch và vùng ven.

+ **Bệnh tay chân miệng:** Số ca phát hiện trong 5 tháng đầu năm là 4.065 ca, tăng 33,3% so với cùng kỳ 2013, không có ca tử vong. Ngành Y tế thành phố đã có nhiều nỗ lực trong điều trị nên đã làm giảm đáng kể tỉ lệ tử vong do bệnh tay chân miệng.

+ **Bệnh Sởi:** 5 tháng đầu năm, toàn thành phố có 1.997 trường hợp nhập viện vì bệnh sởi, không có trường hợp tử vong. Để tránh dịch bệnh bùng phát, hiện nay ngành y tế thành phố đang tổ chức song song với việc duy trì tiêm bổ sung vắc xin sởi cho trẻ từ 9 tháng đến 36 tháng, đồng thời triển khai chiến dịch tiêm vắc xin sởi bổ sung cho trẻ từ 3 đến 10 tuổi trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2014.

- **An toàn vệ sinh - thực phẩm:** Từ đầu năm đến nay trên địa bàn thành phố đã xảy ra 1 vụ ngộ độc thực phẩm với 97 người mắc, không có trường hợp tử vong.

Thành phố tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về ATVS-TP để người dân cải thiện các điều kiện và hiểu biết hơn về thực phẩm an toàn, tiếp tục triển khai các công tác khảo sát, tập huấn, hướng dẫn các cơ sở tham gia VSAT-TP.

- **Công tác khám chữa bệnh và điều trị:** Ước tổng số lượt người khám chữa bệnh trong 6 tháng đầu năm là 16 triệu lượt. Số bệnh nhân điều trị nội trú là 700 ngàn lượt.

4. Trật tự an toàn xã hội (Từ 16/11/2013 đến 15/05/2014)

* **Vi phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 828 vụ, với 752 người vi phạm, xử phạt hành chính nộp ngân sách nhà nước trên 13,2 tỷ đồng và thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 86,3 tỷ đồng.

Phát hiện 464 vụ vi phạm các quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải. Xử phạt hành chính 312 vụ, nộp ngân sách nhà nước trên 11,4 tỷ đồng.

* **Vi phạm hình sự:** Đã xảy ra 2.970 vụ, giảm 2,1% (-64 vụ) so với cùng kỳ 2013, làm chết 47 người, bị thương 395 người, thiệt hại tài sản giá trị trên 102,4 tỷ đồng. Số vụ đã được điều tra khám phá là 1.972 vụ, bắt 1.198 người, triệt phá 486 băng nhóm.

- Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Phát hiện 831 vụ, bắt giữ 1.660 người mua bán ma túy, tàng trữ và sử dụng trái phép các chất ma túy. Lập hồ sơ chuyển giao cho trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã 902 người.

+ **Mại dâm và các tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 33 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn, cà phê, massage, hút tóc máy lạnh... để hoạt động, lập hồ sơ xử lý 165 người tổ chức môi giới.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Phát hiện và lập hồ sơ xử lý 420 vụ tổ chức cờ bạc với 2.323 người tham gia, thu giữ trên 1,7 tỷ đồng và một số tài sản khác.

- Trật tự an toàn giao thông:

+ **Tai nạn giao thông đường bộ:** Xảy ra 402 vụ, giảm 42 vụ so với cùng kỳ năm trước, làm chết 341 người, giảm 8,1% so với cùng kỳ, làm bị thương 142 người, giảm 9,5% so cùng kỳ. Tai nạn giao thông đường bộ trong 6 tháng đầu năm đã tiếp tục giảm cả về số vụ, số người chết và số người bị thương so với cùng kỳ năm trước.

+ **Tai nạn giao thông đường sắt, đường thủy:** Xảy ra 01 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 01 người. Tai nạn giao thông đường thủy xảy ra 3 vụ, không thiệt hại về người.

- **Tình hình cháy, nổ:** Đã xảy ra 184 vụ cháy, giảm 45,2% so với cùng kỳ năm trước, làm chết 07 người, bị thương 10 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng trên 7,9 tỷ đồng, trong đó có 33 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền.

Đã xảy ra 04 vụ nổ (không tăng, không giảm so với cùng kỳ) làm chết 05 người, bị thương 01 người, thiệt hại tài sản trị giá khoảng 154 triệu đồng. (trong đó có 02 vụ chưa ước tính được thiệt hại thành tiền).

5. Vấn đề việc làm

Trong 6 tháng đầu năm 2014, các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố đã thu hút và giải quyết việc làm cho khoảng 143,2 ngàn người, đạt 54% kế hoạch, tương đương so với cùng kỳ. Trong đó: số lao động có việc làm ổn định là 92,4 ngàn người, chiếm 64,5% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ làm mới tạo ra là 57 ngàn chỗ làm, đạt 47,5% kế hoạch.

6. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp

Từ đầu năm đến 31/5, trên địa bàn thành phố đã có 37,9 ngàn người đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp, giảm 24,1% so với cùng kỳ năm trước. Số người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 33,3 ngàn người, giảm 7,9% so với cùng kỳ năm trước. Tư vấn và giới thiệu việc làm cho trên 43,6 ngàn người và hỗ trợ học nghề cho 2.763 người.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 6 và 6 tháng năm 2014.

THÔNG KÊ

CỤC THÔNG KÊ TP. HỒ CHÍ MINH
PHÒNG THÔNG KÊ TỔNG HỢP
ĐT: 38 299 838, 38 244 733